

Báo chí kiến tạo trong truyền thông an sinh xã hội theo tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV

Ngày nhận bài: 30/04/2026 | Ngày phản biện: 08/09/2026 | Ngày xuất bản: 24/09/2026

Tác giả: Lê Nguyễn Phương Thảo (Đại học Khoa học, Đại học Huế)

Tóm tắt: An sinh xã hội gắn với quyền lợi và cảm nhận công bằng của người dân, nên hiệu quả chính sách không chỉ phụ thuộc vào độ bao phủ mà còn ở khả năng công chúng hiểu, tiếp cận và giám sát chính sách. Theo định hướng phát triển an sinh xã hội bao trùm tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, nghiên cứu phân tích vai trò của báo chí kiến tạo trong truyền thông lĩnh vực này. Nghiên cứu lập luận rằng báo chí kiến tạo là phương thức truyền thông chính sách dựa trên dữ liệu, đối thoại và giải pháp, kết nối văn bản chính sách với thực tiễn thụ hưởng. Kết quả cho thấy cách tiếp cận này chuyển truyền thông từ phổ biến quy định sang giải thích quyền lợi, hỗ trợ tiếp cận, giám sát thực thi và gợi mở giải pháp; đồng thời chỉ ra khoảng trống tiếp nhận khi tiếng nói người thụ hưởng chưa được phản ánh đầy đủ. Theo tinh thần đó, phát huy báo chí kiến tạo là hướng đi cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách và củng cố đồng thuận xã hội.

1. Đặt vấn đề

An sinh xã hội là lĩnh vực chính sách gắn trực tiếp với đời sống, quyền lợi và cảm nhận công bằng của người dân. Các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, giáo dục, việc làm, nhà ở, trợ giúp xã hội và hỗ trợ nhóm yếu thế vừa phản ánh năng lực quản trị của Nhà nước, vừa quy định mức độ an toàn xã hội và năng lực chống chịu của cá nhân, gia đình, cộng đồng trước các rủi ro kinh tế, y tế, việc làm và đời sống. Khi hệ thống an sinh xã hội được mở rộng, yêu cầu chính sách cần chuyển từ trọng tâm ban hành văn bản và gia tăng tỷ lệ bao phủ sang bảo đảm hiệu quả tiếp nhận: người dân hiểu đúng quyền lợi, nắm rõ thủ tục, tiếp cận được dịch vụ, sử dụng đúng cơ chế hỗ trợ và có khả năng phản hồi khi phát sinh vướng mắc. Do đó, độ bao phủ chính sách

chưa đủ để chứng minh hiệu quả xã hội của chính sách. Một chính sách dù được thiết kế phù hợp về mục tiêu vẫn khó tạo ra tác động xã hội thực chất nếu công chúng thiếu hiểu biết, thiếu niềm tin, gặp rào cản thủ tục hoặc không có kênh phản hồi hiệu quả. Trên cơ sở đó, truyền thông an sinh xã hội giữ vai trò trung gian quan trọng trong việc chuyển hóa nội dung chính sách thành hiểu biết, niềm tin và hành vi tiếp cận của công chúng.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV xác lập định hướng phát triển an sinh xã hội bao trùm, với hệ thống đa tầng, hiện đại, linh hoạt, theo vòng đời và bao phủ toàn dân. Văn kiện Đại hội nhấn mạnh yêu cầu: "Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, theo vòng đời và bao phủ toàn dân, toàn diện, lấy con người làm trung tâm, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu có chất lượng; ưu tiên các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế và đối tượng trong khu vực phi chính thức, mở rộng tín dụng chính sách xã hội phù hợp điều kiện, trình độ phát triển của Việt Nam, không để ai bị bỏ lại phía sau" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026a, tr.108-109). Định hướng này đặt ra yêu cầu mới đối với truyền thông chính sách. Thông tin an sinh xã hội cần được diễn giải rõ ràng, có căn cứ và gắn với quyền lợi cụ thể của công chúng. Nếu truyền thông chỉ dừng ở phổ biến chủ trương, công bố chỉ tiêu hoặc tường thuật hoạt động quản lý, khoảng cách giữa thiết kế chính sách và quá trình tiếp cận, sử dụng, đánh giá chính sách của người dân sẽ khó được nhận diện đầy đủ.

Sự phát triển của môi trường truyền thông số làm gia tăng tốc độ lan truyền và mức độ tương tác của thông tin an sinh xã hội. Các vấn đề liên quan đến trợ cấp, bảo hiểm, học phí, dịch vụ y tế hay hỗ trợ nhóm yếu thế dễ trở thành chủ đề thảo luận công khai. Quá trình này có thể thúc đẩy giám sát chính sách, nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ hiểu sai nếu thiếu thông tin chính xác, giải thích kịp thời và cơ chế đối thoại minh bạch. Vì vậy, truyền thông an sinh xã hội cần vượt khỏi mô hình đưa tin hành chính để thực hiện chức năng giải thích, kiểm chứng, phản hồi và hỗ trợ hoàn thiện chính sách.

Báo chí kiến tạo đáp ứng yêu cầu đó khi được tổ chức theo hướng phát hiện vấn đề, phân tích nguyên nhân, phản ánh thực tiễn tiếp cận chính sách và gợi mở giải pháp. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao hiểu biết của công chúng, tăng cường giám sát thực thi và thúc đẩy đối thoại chính sách. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, truyền

thông an sinh xã hội vẫn thiên về tin hành chính, thông báo văn bản và công bố thành tựu, trong khi các nội dung phân tích hiệu quả thực thi và nhu cầu của nhóm thụ hưởng chưa được thể hiện đầy đủ. Từ đó, nghiên cứu tập trung phân tích vai trò của báo chí kiến tạo trong truyền thông an sinh xã hội theo tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, nhằm làm rõ khả năng giải thích chính sách, nhận diện điểm nghẽn thực thi và gợi mở giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông theo định hướng phát triển bao trùm.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp phân tích tài liệu với phân tích trường hợp báo chí tiêu biểu về truyền thông an sinh xã hội giai đoạn 2020 - 2026. Nguồn tư liệu gồm văn kiện, nghị quyết, văn bản định hướng của Đảng và Nhà nước; chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, giáo dục, việc làm, giảm nghèo, trợ giúp xã hội; báo cáo của cơ quan quản lý, tổ chức quốc tế, tổ chức nghiên cứu; cùng các tác phẩm báo chí liên quan đến chính sách an sinh xã hội.

Nghiên cứu lựa chọn các tác phẩm báo chí liên quan đến sáu nhóm vấn đề: hỗ trợ người lao động sau đại dịch, bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên, chất lượng thụ hưởng bảo hiểm y tế, miễn và hỗ trợ học phí, bảo hiểm xã hội một lần và chuẩn nghèo đa chiều. Các trường hợp được phân tích theo bốn chiều cạnh: giải thích chính sách, phản ánh hoặc gợi mở trải nghiệm thụ hưởng, nhận diện điểm nghẽn thực thi và định hướng giải pháp.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Cơ sở lý luận và định hướng chính sách về truyền thông an sinh xã hội

3.1.1. Quan niệm về an sinh xã hội và truyền thông an sinh xã hội

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), an sinh xã hội là hệ thống các bảo đảm về thu nhập và tiếp cận dịch vụ thiết yếu nhằm bảo vệ con người trước các rủi ro kinh tế - xã hội trong suốt vòng đời (ILO, 2012). Hệ thống này bao gồm các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, việc làm và bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương. Do gắn trực tiếp với sinh kế, quyền lợi và cơ hội phát triển của người dân, an

sinh xã hội được xem là một trong những trụ cột cơ bản của phát triển xã hội, công bằng xã hội và ổn định xã hội (ILO, 2024).

Từ góc độ truyền thông chính sách, hiệu quả của chính sách an sinh gắn với khả năng công chúng hiểu quyền lợi, điều kiện tiếp cận, quy trình thực hiện và cơ chế phản hồi. Vì vậy, truyền thông an sinh xã hội cần được xem là quá trình truyền tải, giải thích và trao đổi thông tin giữa cơ quan hoạch định chính sách, cơ quan thực thi, báo chí, chuyên gia, tổ chức xã hội và người thụ hưởng nhằm thúc đẩy sự hiểu biết, đồng thuận và tham gia của công chúng.

Trong nghiên cứu này, truyền thông an sinh xã hội được đặc trưng bởi ba phương diện. Thứ nhất, nội dung truyền thông gắn trực tiếp với quyền lợi và khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu của người dân. Thứ hai, hiệu quả truyền thông chịu tác động mạnh từ trải nghiệm thụ hưởng chính sách trong thực tế. Thứ ba, thông tin về quyền lợi, thủ tục và chất lượng dịch vụ dễ bị diễn giải sai lệch trên môi trường số nếu thiếu giải thích đầy đủ và kịp thời. Vì vậy, truyền thông an sinh xã hội không dừng ở phổ biến quy định, mà phải hỗ trợ công chúng hiểu, tiếp cận, giám sát và phản hồi chính sách.

Do đó, truyền thông an sinh xã hội hướng tới nâng cao khả năng tiếp cận, hiểu và giám sát chính sách của công chúng. Điều này đòi hỏi báo chí tham gia vào quá trình giải thích chính sách, nhận diện hạn chế thực thi, phản ánh trải nghiệm thụ hưởng và thúc đẩy đối thoại chính sách dựa trên bằng chứng.

3.1.2. Báo chí kiến tạo trong truyền thông chính sách

Báo chí kiến tạo được hiểu là cách tiếp cận báo chí hướng đến làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm, tác động và khả năng xử lý vấn đề trên cơ sở bằng chứng. Khác với lối đưa tin thuần túy sự kiện, báo chí kiến tạo đặt câu hỏi: vấn đề phát sinh từ đâu, ảnh hưởng đến nhóm nào, chủ thể nào có trách nhiệm, đã có giải pháp nào được thực hiện và điều kiện nào quyết định khả năng cải thiện. Theo McIntyre và Gyldensted (2017), báo chí kiến tạo vận dụng một số nguyên lý của tâm lý học tích cực vào sản xuất tin tức nhằm giúp công chúng không chỉ nhận diện vấn đề, mà còn nhìn thấy khả năng hành động và hướng giải quyết.

Cần phân biệt báo chí kiến tạo với các cách tiếp cận gần nghĩa. Nếu báo chí tuyên truyền tập trung truyền đạt chủ trương, báo chí phản ánh chính sách chủ yếu cung cấp thông tin về văn bản và hoạt động thực thi, còn báo chí giải pháp hướng vào phương án xử lý một vấn đề cụ thể, thì báo chí kiến tạo tiếp cận chính sách như một quá trình xã hội cần được giải thích, giám sát và hoàn thiện. Theo cách tiếp cận này, báo chí làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm thực thi, tác động đối với công chúng và khả năng điều chỉnh chính sách.

Trong lĩnh vực an sinh xã hội, vai trò kiến tạo thể hiện ở việc thu hẹp khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn thụ hưởng. Thay vì dừng ở việc thông báo quy định, báo chí cần giúp công chúng xác định quyền lợi, điều kiện tiếp cận và cách thức thực hiện; đồng thời phản ánh trải nghiệm của người thụ hưởng, nhận diện điểm nghẽn trong triển khai và cung cấp căn cứ cho quá trình điều chỉnh chính sách. Vì vậy, giá trị cốt lõi của báo chí kiến tạo nằm ở khả năng kết nối văn bản chính sách với thực tiễn đời sống trên cơ sở dữ liệu, bằng chứng và phản hồi xã hội.

Lý thuyết đóng khung truyền thông giúp làm rõ cơ chế tác động của báo chí kiến tạo. Theo Entman (1993), đóng khung là quá trình lựa chọn và nhấn mạnh một số khía cạnh của thực tại nhằm định hướng cách công chúng hiểu vấn đề, xác định nguyên nhân, đánh giá trách nhiệm và hình dung hướng xử lý. Vận dụng vào truyền thông an sinh xã hội, báo chí kiến tạo không nên đóng khung chính sách như một văn bản hành chính đơn thuần, cũng không xem bất cập thực thi như sự cố riêng lẻ, mà cần đặt vấn đề trong quan hệ giữa mục tiêu chính sách, nguồn lực thực hiện, thủ tục tiếp cận, trải nghiệm của người dân và trách nhiệm của các chủ thể liên quan.

Từ cách tiếp cận đó, báo chí kiến tạo không thay thế chức năng thông tin, giám sát hay phản biện của báo chí. Ngược lại, cách tiếp cận này làm cho các chức năng đó cụ thể hơn trong truyền thông chính sách: thông tin phải giúp công chúng hiểu và sử dụng chính sách; giám sát phải chỉ ra điểm nghẽn thực thi; phản biện phải dựa trên bằng chứng; giải pháp phải gắn với điều kiện thực tế. Đây là cơ sở để hiện thực hóa định hướng phát triển bao trùm của Văn kiện Đại hội XIV: "Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, toàn diện, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu." (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr.380).

3.1.3. Định hướng của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV về an sinh xã hội và yêu cầu truyền thông

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV xác định mục tiêu phát triển hệ thống an sinh xã hội "đa tầng, hiện đại, thích ứng, linh hoạt, theo vòng đời và bao phủ toàn dân, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau... bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, có chất lượng" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026b, tr.62-63). Định hướng của Đại hội XIV là căn cứ để xác lập ba yêu cầu cốt lõi đối với truyền thông an sinh xã hội:

Thứ nhất, truyền thông phải thực hiện chức năng giải thích chính sách. Khi chính sách ngày càng mở rộng về phạm vi và đối tượng thụ hưởng, việc phổ biến văn bản không còn đủ để bảo đảm hiệu quả tiếp nhận. Báo chí cần chuyển hóa các quy định pháp lý thành thông tin dễ hiểu, làm rõ quyền lợi, điều kiện tiếp cận, thủ tục thực hiện và ý nghĩa của chính sách đối với từng nhóm công chúng.

Thứ hai, truyền thông phải thực hiện chức năng giám sát thực thi chính sách. Hiệu quả của chính sách an sinh xã hội không chỉ phụ thuộc vào thiết kế chính sách mà còn phụ thuộc vào quá trình tổ chức thực hiện. Thông qua điều tra, phân tích dữ liệu và phản ánh trải nghiệm của người thụ hưởng, báo chí có thể nhận diện khoảng cách giữa mục tiêu chính sách và kết quả thực tế, qua đó góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực thi.

Thứ ba, truyền thông phải hỗ trợ tiếp cận và phản hồi chính sách trên môi trường số. Sự phát triển của các nền tảng số mở rộng khả năng tiếp cận thông tin nhưng đồng thời làm gia tăng nguy cơ hiểu sai hoặc diễn giải lệch về chính sách. Điều này đòi hỏi báo chí tăng cường kiểm chứng thông tin, sử dụng dữ liệu và các hình thức trình bày phù hợp, đồng thời thiết lập các kênh phản hồi để tiếp nhận và giải đáp những vấn đề phát sinh từ thực tiễn thụ hưởng.

Ba yêu cầu này phản ánh sự chuyển dịch của truyền thông an sinh xã hội từ chức năng thông báo sang giải thích, giám sát và kết nối chính sách với đời sống xã hội. Đây cũng là những đặc trưng cốt lõi của báo chí kiến tạo trong truyền thông chính sách theo tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV.

3.2. Thảo luận

3.2.1. Vai trò kiến tạo của báo chí qua một số trường hợp truyền thông an sinh xã hội tiêu biểu tại Việt Nam giai đoạn 2020 - 2026

Qua một số trường hợp tiêu biểu trên báo chí giai đoạn 2020 - 2026, có thể nhận diện xu hướng bước đầu trong truyền thông báo chí về an sinh xã hội: từ thông báo chính sách sang giải thích chính sách, từ phản ánh văn bản sang hỗ trợ công chúng nhận diện quyền lợi, điều kiện thụ hưởng và cách tiếp cận chính sách. Xu hướng này được thể hiện qua một số trường hợp sau:

Một là, truyền thông về Nghị quyết 68/NQ-CP và chính sách hỗ trợ người lao động sau đại dịch

Trường hợp truyền thông về Nghị quyết 68/NQ-CP năm 2021 là một ví dụ tiêu biểu cho vai trò giải thích chính sách trong các bài viết được khảo sát. Do chính sách áp dụng cho nhiều nhóm đối tượng, nhu cầu thông tin tập trung vào các vấn đề như điều kiện hưởng hỗ trợ, thủ tục, hồ sơ và thời gian chi trả.

Bài "Giải đáp chính sách hỗ trợ của Nghị quyết 68/NQ-CP với nhiều tiện ích" cho thấy báo chí chuyển văn bản chính sách thành thông tin có thể sử dụng. Thông qua bộ Hỏi - Đáp về 12 nhóm chính sách trong Nghị quyết 68 và Quyết định 23, bài viết giúp người dân, doanh nghiệp, địa phương và cơ quan thực thi tiếp cận chính sách qua các tình huống cụ thể như ngừng việc, tạm hoãn hợp đồng, nghỉ không lương, hỗ trợ F0, F1, trẻ em, hộ kinh doanh, lao động tự do, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp (Ngân Anh, 2021a). Bài "Hơn 13 triệu người đã được hưởng chính sách hỗ trợ của Nghị quyết 68/NQ-CP" bổ sung góc nhìn về thực thi chính sách. Thông tin hơn 13 triệu người được hỗ trợ với tổng kinh phí gần 6.000 tỷ đồng sau một tháng triển khai, cùng dữ liệu từ nhiều địa phương, giúp công chúng theo dõi tiến độ thực hiện và nhận diện những khó khăn trong quá trình chi trả, đặc biệt đối với lao động phi chính thức thiếu giấy tờ chứng minh việc làm (Ngân Anh, 2021b).

Trong trường hợp này, yếu tố kiến tạo của báo chí có thể được nhận diện ở ba khía cạnh: diễn giải chính sách bằng ngôn ngữ dễ hiểu, hướng dẫn công chúng xác định

điều kiện thụ hưởng và theo dõi quá trình thực thi bằng dữ liệu cụ thể. Qua đó, báo chí không chỉ truyền đạt chính sách mà còn góp phần hỗ trợ tiếp cận và giám sát việc triển khai trên thực tế.

Hai là, truyền thông về bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên và quyền lợi bảo hiểm y tế

Bảo hiểm y tế là chính sách an sinh có phạm vi bao phủ rộng, gắn trực tiếp với quyền tiếp cận dịch vụ y tế. Với nhóm học sinh, sinh viên, truyền thông chính sách cần làm rõ quyền lợi khám chữa bệnh, mức hưởng, cơ chế hỗ trợ ngân sách, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cơ quan bảo hiểm và ý nghĩa phòng ngừa rủi ro sức khỏe, thay vì chỉ thông báo mức đóng hoặc thời hạn tham gia.

Hai bài “Giải đáp trực tuyến về quyền lợi, mức hưởng bảo hiểm y tế từ 1/7/2024” (PV, 2024) và “Giải đáp trực tuyến về bảo hiểm y tế học sinh - sinh viên” (Hà Dung, 2024) trên Báo Nhân Dân điện tử gợi mở một biểu hiện của truyền thông theo hướng đối thoại và phân nhóm công chúng. Thông qua giao lưu trực tuyến, các nội dung về mức đóng, mức hưởng, hỗ trợ ngân sách, khám chữa bệnh, thanh toán chi phí và ứng dụng công nghệ được diễn giải theo nhu cầu của người tham gia. Bài thứ nhất tập trung vào quyền lợi sau điều chỉnh lương cơ sở từ ngày 1/7/2024; bài thứ hai hướng vào học sinh, sinh viên, mức đóng, phần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và ý nghĩa bảo vệ sức khỏe học đường.

Yếu tố kiến tạo thể hiện ở ba điểm: tăng đối thoại chính sách, cá biệt hóa thông tin theo nhóm công chúng và thu hẹp khoảng cách giữa quy định pháp lý với khả năng tiếp cận dịch vụ y tế. Qua đó, các trường hợp này cho thấy khả năng chuyển truyền thông bảo hiểm y tế từ phổ biến quy định sang giải thích quyền lợi, hỗ trợ tiếp cận và nâng cao nhận thức về phòng ngừa rủi ro sức khỏe.

Ba là, truyền thông về chất lượng thụ hưởng bảo hiểm y tế và yêu cầu giám sát thực thi

Trường hợp truyền thông về chất lượng thụ hưởng bảo hiểm y tế cho thấy khả năng mở rộng vai trò báo chí từ giải thích quyền lợi sang giám sát một số khía cạnh thực thi. Tỷ lệ bao phủ chính sách chưa đồng nghĩa với chất lượng thụ hưởng; niềm tin xã hội chỉ được củng cố khi quyền lợi được thực hiện công bằng, minh bạch và có thể kiểm chứng.

Bài “Nâng cao hiệu quả giám định và kiểm soát chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế” trên Báo Nhân Dân điện tử là minh chứng cho truyền thông chính sách dựa trên dữ liệu và cơ chế thực thi. Thông qua việc giới thiệu Thông tư số 12/2026/TT-BTC, bài viết giải thích hai phương thức giám định chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế gồm giám định tự động bằng công nghệ thông tin và giám định chủ động theo quy trình nghiệp vụ. Cách tiếp cận này giúp công chúng nhận thức rằng hiệu quả thụ hưởng bảo hiểm y tế phụ thuộc không chỉ vào tỷ lệ bao phủ mà còn vào cơ chế giám định, thanh toán, kiểm soát chi phí, quản lý quỹ và phối hợp giữa các chủ thể thực thi (Ngân Anh, 2026).

Giá trị kiến tạo của trường hợp này nằm ở việc làm rõ cơ chế bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả của hệ thống thông qua liên thông dữ liệu, cảnh báo chi phí bất thường và kiểm soát Quỹ Bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, nội dung chủ yếu tập trung vào khía cạnh quản lý và kỹ thuật thực thi; trải nghiệm của người bệnh và các nhóm gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ chưa được phản ánh đầy đủ. Vì vậy, đây là minh chứng cho vai trò giải thích cơ chế và giám sát thực thi của báo chí, nhưng chưa thể hiện đầy đủ chức năng đối thoại xã hội về chất lượng thụ hưởng bảo hiểm y tế.

Bốn là, truyền thông về chính sách miễn, hỗ trợ học phí và công bằng cơ hội giáo dục.

Nội dung về chính sách miễn, hỗ trợ học phí từ năm học 2025 - 2026 là minh chứng cho vai trò giải thích chính sách của báo chí trong lĩnh vực an sinh giáo dục. Bài viết “Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV: Miễn, hỗ trợ học phí từ năm học 2025 - 2026” trên VietnamPlus đã kịp thời thông tin việc Quốc hội thông qua chính sách này, đồng thời làm rõ phạm vi thụ hưởng, gồm học sinh trường công lập được miễn học phí và học sinh trường dân lập, tư thục được hỗ trợ học phí (Xuân Tùng, 2025). Thông qua việc cụ thể hóa đối tượng áp dụng và cơ chế hỗ trợ, báo chí đã giúp phụ huynh, học sinh và cơ sở giáo dục nhận diện rõ quyền lợi của mình thay vì chỉ tiếp cận thông tin ở cấp độ văn bản pháp luật.

Giá trị của trường hợp này nằm ở việc chuyển một chính sách có phạm vi tác động lớn thành thông tin có thể sử dụng trong thực tế. Tuy nhiên, hiệu quả của chính sách không chỉ phụ thuộc vào quyết định miễn, hỗ trợ học phí mà còn phụ thuộc vào quá trình triển khai tại địa phương. Vì vậy, báo chí cần tiếp tục theo dõi các vấn đề như

mức hỗ trợ cụ thể do Hội đồng nhân dân các tỉnh quyết định, khả năng cân đối nguồn ngân sách thực hiện, tiến độ chi trả và mức độ tiếp cận của học sinh thuộc các nhóm khó khăn. Cách tiếp cận này giúp truyền thông an sinh giáo dục chuyển từ thông báo chính sách sang giám sát thực thi và đánh giá hiệu quả thụ hưởng.

Năm là, truyền thông về bảo hiểm xã hội một lần và quyền lợi an sinh dài hạn của người lao động.

Bảo hiểm xã hội một lần là vấn đề an sinh có tính xã hội cao vì đặt người lao động trước lựa chọn giữa nhu cầu tài chính trước mắt và quyền lợi dài hạn. Bài "Số người rút bảo hiểm xã hội một lần giảm mạnh" trên Báo Lao Động cung cấp dữ liệu đến hết tháng 3/2025, cả nước có 267.493 người hưởng bảo hiểm xã hội một lần, giảm gần 70.000 người, tương đương 26,17% so với cùng kỳ năm 2024 (Thùy Linh, 2025). Dữ liệu này giúp công chúng nhận diện sự thay đổi trong hành vi của người lao động khi cân nhắc giữa rút bảo hiểm xã hội một lần và bảo lưu thời gian tham gia để duy trì quyền lợi lâu dài.

Giá trị kiến tạo của trường hợp này nằm ở khả năng chuyển số liệu thành vấn đề chính sách. Báo chí không nên chỉ dừng ở ghi nhận số người rút giảm, mà cần phân tích nguyên nhân kinh tế, xã hội của lựa chọn này, tác động đối với lương hưu, bảo hiểm y tế khi về già và khả năng bảo vệ thu nhập trong dài hạn. Cách tiếp cận này giúp người lao động hiểu bảo hiểm xã hội không phải là khoản tiền ngắn hạn, mà là cơ chế phòng ngừa rủi ro tuổi già, bệnh tật và mất thu nhập theo vòng đời.

Sáu là, truyền thông về chuẩn nghèo đa chiều và chính sách giảm nghèo

Giảm nghèo đa chiều mở rộng phạm vi an sinh xã hội từ hỗ trợ thu nhập sang bảo đảm khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và thông tin. Đối với các bài viết giải thích chuẩn nghèo đa chiều, truyền thông có vai trò quan trọng trong việc làm rõ tiêu chí xác định đối tượng thụ hưởng và cơ sở phân bổ nguồn lực an sinh.

Bài "Quy định mới về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025" trên Báo Nhân Dân điện tử là minh chứng cho vai trò giải thích chính sách. Thông qua việc giới thiệu Nghị định 07/2021/NĐ-CP, bài viết làm rõ tiêu chí thu nhập, mức độ thiếu hụt dịch vụ

xã hội cơ bản và chuẩn xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình. Qua đó, công chúng có thể nhận thức giảm nghèo đa chiều như một cơ chế đo lường và bảo đảm tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, thay vì chỉ là hỗ trợ tài chính (Phương Chi, 2021).

Giá trị kiến tạo của trường hợp này nằm ở việc chuyển hóa khái niệm chính sách có tính kỹ thuật thành thông tin dễ tiếp cận. Tuy nhiên, bài viết chủ yếu tập trung vào giải thích quy định, chưa phản ánh đầy đủ trải nghiệm của các nhóm thụ hưởng và những khó khăn trong quá trình tiếp cận chính sách. Do đó, trường hợp này phù hợp để minh chứng cho vai trò giải thích chính sách của truyền thông an sinh xã hội, nhưng chưa thể hiện đầy đủ chức năng phản ánh trải nghiệm thụ hưởng.

Các trường hợp được phân tích từ Báo Nhân Dân điện tử, VietnamPlus và Báo Lao Động cho thấy một số biểu hiện bước đầu của báo chí kiến tạo trong truyền thông an sinh xã hội. Tuy nhiên, mức độ kiến tạo chưa đồng đều. Nhiều nội dung vẫn thiên về nguồn tin từ cơ quan quản lý, chưa phản ánh đầy đủ tiếng nói của người thụ hưởng, chưa theo dõi thường xuyên chất lượng tiếp cận chính sách và chưa chuyển hóa dữ liệu thực thi thành các phân tích sâu về hiệu quả thụ hưởng. Vì vậy, kết quả phân tích gợi mở một hướng tiếp cận cần tiếp tục được phát triển trong truyền thông chính sách an sinh xã hội.

3.2.2. Hạn chế trong truyền thông an sinh xã hội và khoảng trống tiếp nhận của công chúng

Trong các trường hợp được khảo sát, hiệu quả kiến tạo còn bị giới hạn bởi bốn vấn đề chính: cách tổ chức thông tin vẫn thiên về nguồn chính thức; tiếng nói người thụ hưởng chưa rõ; dữ liệu chưa phản ánh đầy đủ chất lượng tiếp cận chính sách; và việc theo dõi quá trình chính sách đi vào đời sống chưa thường xuyên.

Thứ nhất, một số bài viết trong nhóm trường hợp được khảo sát vẫn dựa chủ yếu vào văn bản, hội nghị hoặc phát biểu của cơ quan chức năng. Cách làm này giúp công chúng biết chính sách đã ban hành nhưng chưa trả lời đầy đủ các câu hỏi thực tế: ai được hưởng, cần giấy tờ gì, nộp ở đâu, mất bao lâu và phản ánh vướng mắc qua kênh nào. Với Nghị quyết 68/NQ-CP, báo chí đã giải thích chính sách qua hình thức hỏi đáp, song các khó khăn của lao động phi chính thức, hộ kinh doanh nhỏ, người bán

hàng rong, xe ôm, thợ hồ hoặc người giúp việc gia đình vẫn chưa được phân tích sâu từ thực tế tiếp cận hỗ trợ.

Thứ hai, tiếng nói của người thụ hưởng chưa xuất hiện đầy đủ như một nguồn dữ liệu thực tiễn. Trong truyền thông bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên, thông tin chủ yếu đến từ cơ quan chuyên môn, trong khi trải nghiệm của học sinh, phụ huynh, nhà trường hoặc người sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh chưa xuất hiện như một nguồn dữ liệu thực tiễn. Vì vậy, báo chí mới làm rõ quyền lợi trên văn bản, chưa kiểm chứng đầy đủ mức độ thuận tiện khi khám chữa bệnh, thanh toán chi phí hoặc tiếp cận dịch vụ.

Thứ ba, dữ liệu sử dụng chủ yếu là số liệu bao phủ, số người tham gia hoặc kinh phí chi trả. Các chỉ số này cần thiết nhưng chỉ phản ánh quy mô chính sách, chưa cho thấy chất lượng thụ hưởng. Điển hình, với chuẩn nghèo đa chiều, số lượng hộ nghèo cần được đặt cạnh mức thiếu hụt về giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin để làm rõ chất lượng sống của nhóm thụ hưởng.

Thứ tư, việc theo dõi quá trình chính sách đi vào đời sống chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục. Nhiều tin bài tập trung vào thời điểm ban hành hoặc kết quả ban đầu, trong khi các giai đoạn sau như tiếp cận hồ sơ, xử lý thủ tục, nhận hỗ trợ, phản hồi và điều chỉnh chính sách chưa được phản ánh liên tục. Điều này làm giảm khả năng giám sát thực thi và khiến nhiều vướng mắc của người dân không được chuyển thành vấn đề chính sách.

Từ các hạn chế trên, có thể xác định khoảng trống tiếp nhận của công chúng trong truyền thông an sinh xã hội. Khoảng trống này xuất hiện khi người dân biết chính sách tồn tại nhưng chưa hiểu cách sử dụng chính sách trong tình huống cụ thể. Một người lao động tự do có thể nghe về hỗ trợ sau đại dịch nhưng không biết cần chứng minh việc làm ra sao; phụ huynh biết học sinh được hỗ trợ bảo hiểm y tế nhưng chưa rõ mức đóng, mức hưởng và quyền lợi khi khám chữa bệnh; hộ nghèo biết có chuẩn nghèo đa chiều nhưng không hiểu các tiêu chí thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản ảnh hưởng thế nào đến việc xác định đối tượng thụ hưởng.

Trong môi trường số, khoảng trống tiếp nhận về quyền lợi, thủ tục hoặc chất lượng thụ hưởng có thể bị diễn giải sai lệch khi thông tin bị rút gọn, chia sẻ thiếu ngữ cảnh hoặc gắn với những trải nghiệm cá biệt. Khi thông tin chính sách được chia sẻ qua mạng xã

hội, video ngắn hoặc nhóm cộng đồng, các điều kiện thực thi thường bị rút gọn. Một trường hợp chậm chi trả, một thủ tục khó hiểu hoặc một trải nghiệm khám chữa bệnh không thuận lợi có thể bị khái quát thành đánh giá tiêu cực về toàn bộ chính sách. Nếu báo chí chính thống phản hồi chậm hoặc chỉ lặp lại nội dung văn bản, công chúng càng thiếu căn cứ để phân biệt giữa vướng mắc cá biệt và vấn đề hệ thống.

Vì vậy, nhiệm vụ của báo chí kiến tạo là thu hẹp khoảng cách giữa văn bản chính sách, thông tin báo chí và khả năng sử dụng chính sách của người dân. Muốn làm được điều đó, báo chí nên giải thích chính sách theo tình huống đời sống, đưa tiếng nói người thụ hưởng vào phân tích, sử dụng dữ liệu gắn với chất lượng thụ hưởng và theo dõi quá trình thực thi sau khi chính sách được ban hành.

3.2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả báo chí kiến tạo trong truyền thông an sinh xã hội

Kết quả phân tích một số trường hợp cho thấy truyền thông báo chí về an sinh xã hội đã xuất hiện xu hướng chuyển từ chức năng thông báo sang giải thích chính sách, thúc đẩy đối thoại và theo dõi quá trình thực thi. Để xu hướng này phát triển thành một phương thức truyền thông chính sách có tính kiến tạo, báo chí nên tham gia sâu hơn vào toàn bộ chu trình chính sách, từ xây dựng, ban hành đến tiếp nhận phản hồi và đề xuất điều chỉnh, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả thực hiện chính sách.

Thứ nhất, tổ chức truyền thông theo vòng đời chính sách. Báo chí nên theo dõi chính sách từ giai đoạn ban hành đến triển khai và đánh giá kết quả, qua đó phản ánh khó khăn tiếp cận, vấn đề phát sinh và nhu cầu điều chỉnh.

Thứ hai, lấy người thụ hưởng làm trung tâm. Trải nghiệm thực tế của người dân cần được xem là nguồn dữ liệu quan trọng để đánh giá hiệu quả chính sách, nhất là đối với các chương trình hỗ trợ người lao động, bảo hiểm y tế, giảm nghèo và trợ giúp xã hội.

Thứ ba, phát triển diễn đàn đối thoại chính sách gắn với cơ chế theo dõi sau phản ánh. Báo chí cần tổng hợp các vấn đề công chúng thường gặp, đặt câu hỏi với cơ quan chức năng và theo dõi kết quả xử lý, qua đó tăng cường chức năng phản hồi chính sách.

Thứ tư, đẩy mạnh sử dụng dữ liệu để đánh giá chất lượng thụ hưởng chính sách. Các chỉ số về tỷ lệ bao phủ, số người tham gia hoặc kinh phí chi trả cần được đặt trong quan hệ với khả năng tiếp cận, thời gian giải quyết thủ tục và sự khác biệt giữa các nhóm dân cư.

Thứ năm, duy trì cơ chế phát hiện và giám sát điểm nghẽn thực thi. Khi xuất hiện tình trạng thủ tục phức tạp, chậm chi trả hoặc khó tiếp cận dịch vụ, báo chí cần làm rõ nguyên nhân, phản ánh kiến nghị từ thực tiễn và theo dõi quá trình khắc phục.

Thứ sáu, tăng cường truyền thông phân nhóm trên môi trường số. Nội dung an sinh xã hội cần được thiết kế phù hợp với từng nhóm công chúng, kết hợp hỏi đáp, đồ họa dữ liệu, video ngắn và chuyên mục tư vấn để nâng cao khả năng tiếp cận thông tin.

Tóm lại, nâng cao hiệu quả báo chí kiến tạo trong truyền thông an sinh xã hội đòi hỏi đổi mới cách tổ chức thông tin theo hướng bám sát vòng đời chính sách, lấy người thụ hưởng làm trung tâm, tăng cường đối thoại, khai thác dữ liệu và theo dõi kết quả xử lý sau phản ánh. Đây là cơ sở để nâng cao chất lượng truyền thông và hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số.

4. Kết luận

An sinh xã hội gắn trực tiếp với quyền lợi, đời sống và cảm nhận công bằng của người dân; vì vậy, truyền thông trong lĩnh vực này cần vượt khỏi việc công bố văn bản, phổ biến quy định hay ghi nhận kết quả thực hiện. Trong môi trường số, báo chí kiến tạo góp phần giải thích chính sách bằng ngôn ngữ dễ tiếp cận, phản ánh quá trình thụ hưởng, nhận diện điểm nghẽn thực thi, thúc đẩy đối thoại và gợi mở giải pháp dựa trên dữ liệu, bằng chứng và lợi ích công.

Nghiên cứu hệ thống hóa cơ sở lý luận của báo chí kiến tạo trong truyền thông an sinh xã hội, đồng thời phân tích một số trường hợp tiêu biểu trên báo chí chính thống giai đoạn 2020 – 2026. Kết quả cho thấy báo chí kiến tạo có thể góp phần chuyển truyền thông an sinh xã hội từ phổ biến quy định sang giải thích quyền lợi, phản ánh trải nghiệm thụ hưởng, nhận diện điểm nghẽn thực thi và gợi mở giải pháp.

Theo tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, phát huy vai trò báo chí kiến tạo có thể được xem là một hướng tiếp cận cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông chính sách, củng cố đồng thuận xã hội và góp phần hoàn thiện thực thi an sinh xã hội./.

Tài liệu tham khảo

Ngân Anh. (2021a, ngày 14 tháng 8). Giải đáp chính sách hỗ trợ của Nghị quyết 68/NQ-CP với nhiều tiện ích. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/giai-dap-chinh-sach-ho-tro-cua-nghi-quyet-68nq-cp-voi-nhieu-tien-ich-post659859.html>

Ngân Anh. (2021b, ngày 15 tháng 8). Hơn 13 triệu người đã được hưởng chính sách hỗ trợ của Nghị quyết 68/NQ-CP. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/hon-13-trieu-nguoi-da-duoc-huong-chinh-sach-ho-tro-cua-nghi-quyet-68nq-cp-post659981.html>

Ngân Anh. (2026, ngày 26 tháng 2). Nâng cao hiệu quả giám định và kiểm soát chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/nang-cao-hieu-qua-giam-dinh-va-kiem-soat-chi-phi-kham-chua-benh-bao-hiem-y-te-post944788.html>

Phương Chi. (2021, ngày 30 tháng 1). Quy định mới về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/quy-dinh-moi-ve-chuan-ngheo-da-chieu-giai-doan-2021-2025-post633469.html>

Chính phủ. (2021). Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=203273>

Hà Dung. (2024, ngày 10 tháng 9). Giải đáp trực tuyến về bảo hiểm y tế học sinh-sinh viên. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/giai-dap-truc-tuyen-ve-bao-hiem-y-te-hoc-sinh-sinh-vien-post830001.html>

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026a). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026b). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập II). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Entman, R. M. (1993). Framing: Toward clarification of a fractured paradigm. *Journal of Communication*, 43(4), 51-58. <https://doi.org/10.1111/j.1460-2466.1993.tb01304.x>

International Labour Organization. (2012). Social Protection Floors Recommendation, 2012 (No. 202). International Labour Organization. <https://www.ilo.org/publications/social-protection-floors-recommendation-2012-no-202>

International Labour Organization. (2024). World social protection report 2024-26: Universal social protection for climate action and a just transition. International Labour Office. <https://www.ilo.org/publications/flagship-reports/world-social-protection-report-2024-26-universal-social-protection-climate>

Thùy Linh. (2025, ngày 17 tháng 4). [Số người rút bảo hiểm xã hội một lần giảm mạnh](https://laodong.vn/xa-hoi/so-nguoi-rut-bao-hiem-xa-hoi-mot-lan-giam-manh-1493002.laod). Báo Lao Động. <https://laodong.vn/xa-hoi/so-nguoi-rut-bao-hiem-xa-hoi-mot-lan-giam-manh-1493002.laod>

McIntyre, K., & Gyldensted, C. (2017). Constructive journalism: An introduction and practical guide for applying positive psychology techniques to news production. The Journal of Media Innovations, 4(2), 20-34. <https://doi.org/10.5617/jmi.v4i2.2429>

Xuân Tùng. (2025, ngày 26 tháng 6). Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV: Miễn, hỗ trợ học phí từ năm học 2025-2026. VietnamPlus. <https://www.vietnamplus.vn/ky-hop-thu-9-quoc-hoi-khoa-xv-mien-ho-tro-hoc-phi-tu-nam-hoc-2025-2026-post1046552.vnp>

PV. (2024, ngày 30 tháng 7). Giải đáp trực tuyến về quyền lợi, mức hưởng bảo hiểm y tế từ 1/7/2024. Báo Nhân Dân điện tử. <https://nhandan.vn/giai-dap-truc-tuyen-ve-quyen-loi-muc-huong-bao-hiem-y-te-tu-172024-post821759.html>